

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày 21/6/2019

*“V/v Tranh chấp  
Về hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm văn Quân.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và ông Lê Bá Hợp

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 04 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST – DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa;

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1960 và bà Võ Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa ( Bà H ủy quyền cho ông H)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 04 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 08 tháng 6 năm 2016 do mối quan hệ quen biết ông D bà Ng cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng, để ông H bà H trả tiền mua rẫy với ông Hồ Văn H và ông H bà H thế chấp hợp đồng chuyển nhượng đất rẫy giữa vợ chồng H H với ông H cho vợ chồng ông D bà Ng. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông thể hiện về số tiền này do chúng tôi không yêu cầu trong vụ án trước đó nên tách ra

để giải quyết trọng vụ án khác. Sau khi có bản án phúc thẩm này chúng tôi đã đến yêu cầu vợ chồng ông bà H H trả số tiền cho chúng tôi khấu trừ đi số tiền 220.000.000 như trong bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 ; ông D bà Ng nhiều lần yêu cầu ông H bà Ng nhưng ông bà cứ khất lần khất lượt và ông bà H H không chịu trả vì vậy chúng tôi mới khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh H và Võ Thị H phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Đồng ý khấu trừ đi số tiền 220.000.000 đồng theo số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết ông H có làm đơn phản tố khấu trừ thêm số tiền là 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016 chúng tôi không đồng ý vì số tiền này với số tiền 237.000.000 đồng xuất phát từ số tiền 220.000.000 đồng mà chúng tôi đã thỏa thuận với nhau theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/4/2016 và đã được giải quyết trong vụ án trước đó.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Mạnh H bà Võ Thị H trình bày:*

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông thể hiện ông D và bà Ng có quyền khởi kiện vợ chồng chúng tôi số tiền 500.000.000 đồng mà vợ chồng ông bà D Ng không khởi kiện trong vụ án trước đó. Nên sau khi có bản án phúc thẩm ông D và bà Ng đã khởi kiện chúng tôi số tiền 500.000.000 đồng. Vợ chồng chúng tôi đồng ý yêu cầu của ông D bà Ng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Mạnh H đã làm đơn phản tố đòi trừ nghĩa vụ theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông thì ông D bà Ng phải trả cho chúng tôi số tiền là 220.000.000 đồng và khấu trừ số tiền ông D bà Ng vay của chúng tôi là 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016 còn lại chúng tôi chỉ có trách nhiệm trả cho ông D bà Ng số tiền là 42.000.000 đồng. Trong đơn phản tố tôi cũng yêu cầu lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết tôi rút toàn bộ yêu cầu lãi suất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người làm chứng: anh Nguyễn Văn H nguyên trưởng thôn 2, xã Quảng Tâm trình bày: Tôi biết vợ chồng ông H từ Đắk Lắk xuống nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông D bà Ng ở gần thác B, xã Q T. Vợ chồng ông H đã đưa tiền cho vợ chồng ông D (giá bao nhiêu thì tôi không rõ). Nhưng thửa đất này có liên quan đến Công ty Mắc Ca N H nên vợ chồng ông H không đồng ý mua đất nữa, yêu cầu anh D trả lại tiền và đã làm đơn tố cáo gửi Công an huyện T Đ để giải quyết. Vợ chồng ông D muốn vợ chồng ông H rút đơn về thương lượng với vợ chồng ông H. Sau đó, vợ chồng H và vợ chồng D đến gặp tôi để hòa giải thì các bên thống nhất nội dung: Trong vòng một năm nếu vợ chồng anh D không trả được số tiền khoảng hơn 200.000.000 đồng ( Số tiền cụ thể thì không nhớ rõ) thì thửa đất 6.000 m<sup>2</sup> tại thôn H, xã Q T, huyện T Đ đã trồng tiêu của vợ chồng D thuộc quyền sở hữu của vợ chồng H. Sau đó có làm biên bản hòa giải viết tay ghi nhận nội dung về việc: “nếu vợ chồng D không trả được tiền thì rẫy thuộc sở hữu của vợ chồng

H'". Tại buổi hòa giải ngày hôm đó không thấy D, H đưa tiền cho nhau. Sau đó, khoảng thời gian sau thì H và D nhờ tôi ký vào giấy vay tiền, không chứng kiến việc cho vay mượn tiền giữa hai bên. Sự việc này cũng được ghi trong giấy hòa giải ngày 28/8/2016.

Phản tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ đi số tiền là 220.000.000 đồng; Còn số tiền 238.000.000 đồng không đồng ý khấu trừ vì xuất phát từ số tiền 220.000.000 đồng liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng ngày 29/4/2016. Bị đơn đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị khấu trừ số tiền 220.000.000 đồng và số tiền 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016 chỉ còn lại số tiền 42.000.000 đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn; Lãi suất bị đơn rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:* Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 200; Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; 465; 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa thể hiện có sự việc vào ngày 08 tháng 6 năm 2018 ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng như trong bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông đã nhận định. Vì vậy, ông D bà Ng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H bà H phải trả số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc; Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Mạnh H có đơn phản tố khấu trừ nghĩa vụ số tiền gốc phải trả cho nguyên đơn là số tiền 220.000.000 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông và số tiền 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016. Đối với số tiền 238.000.000 đồng được lập vào ngày 28/8/2016 và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện số tiền 238.000.000 đồng xuất phát từ số tiền là 220.00.000 đồng đã được nhận định nên yêu cầu khấu trừ nghĩa vụ này của bị đơn không được chấp nhận. Bị đơn rút lãi suất nên cần xem xét đình chỉ. Từ những nhận định trên nên buộc bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H phải trả số tiền 500.000.000 đồng khấu trừ đi số tiền 220.000.000 đồng còn lại 280.000.000 đồng cho ông D bà Ng; đối với yêu cầu 238.000.000 đồng không chấp nhận khấu trừ. Lãi suất bị đơn rút lãi suất nên đình chỉ không xem xét. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp

nhận nên cần buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.( số tiền được khấu trừ) và án phí phần không được chấp nhận;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên, tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai làm rõ nội dung tranh chấp, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; bị đơn cư trú tại thôn H xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 – Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H phải trả số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và trong quá trình giải quyết bị đơn có đơn phản tố khấu trừ nghĩa vụ với nguyên đơn theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016 và số tiền theo bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông đã nhận định . Vì vậy vụ án này có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản bằng giấy viết tay giữa hai bên lập ngày 08/6/2016 được thể hiện theo bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông đã nhận định với số tiền là 500.000.000 đồng. Vì vậy, ông D bà Ng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà H phải trả cho vợ chồng D Ng số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và bị đơn ông H có đơn phản tố đề nghị khấu trừ số tiền 220.000.000 đồng theo bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông và số tiền 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016.

\* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Về hợp đồng vay tài sản bằng giấy viết tay giữa hai bên lập ngày 08/6/2016 các bên nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận có giao dịch và đã được thể hiện theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông vì vậy hợp đồng này là có thật và đã thực hiện trên thực tế.

Đối giấy vay tiền bằng giấy viết tay giữa hai bên ngày 28/8/2016 bị đơn ông Nguyễn Mạnh H có làm đơn phản tố khấu trừ nghĩa vụ với nguyên đơn các bên đều thừa nhận là có thực nhưng các bên trình bày không thống nhất với nhau. Còn việc khấu trừ nghĩa vụ liên quan đến số tiền 220.000.000 đồng đã được thể hiện theo bản

án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông các bên đều thống nhất.

[2] Về nội dung của hợp đồng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hùng H và bà Võ Thị H trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 08/6/2016 và theo bản án dân sự phúc thẩm số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông đã nhận định; Trong quá trình giải quyết phía nguyên đơn cầu giải quyết thì bị đơn thừa nhận số tiền vay này nhưng đề nghị khấu trừ vào số tiền 220.000.000 đồng và số tiền 238.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 28/8/2016.

Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau nhưng các bên đều bảo lưu quan điểm:

Nguyên đơn khẳng định ngày 28/8/2016 có ký giấy vay tiền nhưng bị đơn cung cấp là đúng nhưng nội dung vay tiền xuất phát từ việc bị đơn làm đơn tố cáo gửi Công an huyện T Đ về hành vi “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà ông H bà H đã làm trước đó ( Ngày 25/8/2016); để ông H bà H rút đơn tố cáo bên Công an huyện nên giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thương lượng với nhau viết lại thành giấy vay tiền và thế chấp mảnh đất rẫy 6 sào tại thôn H xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông; theo bị đơn trình bày khi viết giấy vay tiền ngày 28/8/2016 xong thì sau đó bị đơn có gọi vào nói là viết giấy vay tiền không đúng nên đánh máy thành hợp đồng vay tài sản và cũng thể hiện thế chấp mảnh đất 06 sào tại thôn H xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông như trên và phía nguyên đơn đã ký trong các giấy tờ này nhưng không hủy giấy vay tiền viết tay trước đó.

Bị đơn trình bày ngày 28/8/2016 bị đơn và nguyên đơn ngoài hợp đồng vay tài sản thì có làm thêm giấy vay tiền với số tiền khác nhau, thời gian trả cũng khác nhau nhưng cùng chung thế chấp miếng đất rẫy là 6 sào tọa lạc tại thôn H xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông như nguyên đơn trình bày, lý do làm 02 giấy tờ này là vì giá đất 6 sào tọa lạc tại thôn H xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông lúc đó khoảng 6 đến 700 triệu nên mới làm hai giấy và đưa nguyên đơn số tiền 238.000.000 đồng và thời gian trả là ngày 10/6/2017; còn hợp đồng vay tài sản là 237.000.000 đồng thời gian trả là 16/6/2017; thể hiện 02 giao dịch khác nhau. Ngoài ra không có văn bản giấy tờ nào khác;

Người làm chứng trình bày là ngày 28/8/2016 có tiến hành hòa giải và ký vào các giấy vay tiền và hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại thác B, xã Q T nhưng sau này đất chuyển nhượng là của Công ty M C nên hai bên mới làm đơn tố cáo sang Công an huyện và đã được hòa giải tại thôn; đã được lập tại BTQ thôn H, xã Q T đã lập giấy hòa giải giữa hai bên và các bên cùng thống nhất ký tên với số tiền là ông Nguyễn Mạnh H nhận đủ số tiền 238.000.000 đồng của ông Nguyễn Tọng D; các bên không khiếu nại khiếu kiện gì về vấn đề này và bị đơn rút đơn khiếu nại bên Công an; Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai phía ông D bà Ng và người

làm chứng phù hợp với chứng cứ khác trong hồ sơ thể hiện số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 28/8/2016 với số tiền là 238.000.000 đồng; hợp đồng vay tài sản với số tiền là 237.000.000 đồng ngày 28/8/2016 cùng là một và liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng ngày 29/4/2016 với số tiền 220.000.000 đồng nên yêu cầu phân tố khấu trừ của ông H liên quan đến số tiền 238.000.000 đồng không được chấp nhận là phù hợp.

[3] Trong quá trình giải quyết, phía nguyên đơn có làm đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ từ TAND tỉnh Đắk Nông liên quan đến vụ án trước đó và được Công khai cho các đương sự được biết;

[4] Trước khi ông D bà Ng yêu cầu ông H và bà H trả nợ số tiền là 500.000.000 đồng nhưng ông bà không chịu trả theo giấy vay nợ ngày 08/6/2016 và theo bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông; đồng ý khấu trừ nghĩa vụ với số tiền là 220.000.000 đồng còn lại là 280.000.000 đồng nhưng ông H bà H không chịu trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 – bộ luật dân sự năm 2015;

Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa thì ông H bà H thừa có nợ ông D bà Ng số tiền là 500.000.000 đồng. Nhưng ông H đề nghị khấu trừ số tiền 220.000.000 đồng theo bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông và khấu trừ số tiền 238.000.000 đồng các bên thống nhất được khấu trừ số tiền là 220.000.000 đồng nên cần ghi nhận và không thống nhất khấu trừ 238.000.000 đồng nên đề nghị giải quyết theo quy định;

[4] Giấy vay tiền ngày 28/8/2016; giấy Hòa giải ngày 28/8/2016; bản án số 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh;

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ ông D bà Ng có đến gặp ông H bà H để yêu cầu trả nợ nhưng ông H bà H vẫn không chịu trả nên ông D bà Ng mới làm đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc là 500.000.000 đồng đồng ý khấu trừ số tiền là 220.000.000 đồng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 280.000.000 đồng; bị đơn đề nghị khấu trừ cả với số tiền 238.000.000 đồng còn 42.000.000 đồng. Do các bên không thống nhất được với nhau nên HĐXX giải quyết theo quy định.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX đình chỉ không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có cơ sở nên cần chấp nhận;

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D bà Nguyễn Thị Ng. Buộc ông Nguyễn

Mạnh H và bà Võ Thị H phải trả 500.000.000 đồng khấu trừ đi số tiền 220.000.000 đồng theo bản án 09/2019/DS-PT ngày 21/3/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông. Buộc ông H và bà H phải trả cho ông D và bà Ng số tiền là 280.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh H khấu trừ số tiền 238.000.000 đồng không được chấp nhận. Lãi suất bị đơn Nguyễn Mạnh H rút toàn bộ lãi suất nên cần đình chỉ

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật với số tiền phải trả và án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 217; Điều 218; Điều 246 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng đối với ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phần tố khấu trừ của ông Nguyễn Mạnh H đối với ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng.

1. Buộc Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H phải trả cho Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng số tiền là 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về lãi suất: đình chỉ xét xử phần lãi suất do người khởi kiện rút yêu cầu.

3. Về án phí DSST là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) (*được chấp nhận*) và số tiền 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) (không được chấp nhận). Buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) khấu trừ vào số tiền 5.950.000 mà ông Nguyễn Mạnh H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001526 ngày 20/5/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức. Ông Nguyễn Mạnh H và bà Võ Thị H còn phải nộp thêm tiền là 8.050.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.500.000 đồng (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Ng số tiền là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000736 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**ĐÃ KÝ**

**Phạm Văn Quân**